



Working Paper 2024.1.3.2
- Vol 1, No 3

QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG PHÁ RỪNG CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ LƯU Ý ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM

Đông Phương Thảo¹, Lê Minh Châu, Nguyễn Nam Khánh

Sinh viên K60 Luật Kinh doanh quốc tế theo mô hình THNN

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Ngọc Hà

Giảng viên Khoa Luật

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Tại Việt Nam, nông sản hiện được coi là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, trong đó phải kể đến cà phê với đóng góp nổi bật cho kim ngạch xuất khẩu chung của cả nước. Trong những năm gần đây, hoạt động xuất khẩu cà phê Việt Nam đã diễn ra rất thành công tại các thị trường phát triển trên thế giới. Tuy nhiên, vào tháng 4/2023, Nghị viện châu Âu (EP) đã thông qua quy định mới cấm nhập khẩu các hàng hóa liên quan đến hoạt động phá rừng, trong đó có cà phê. Điều này sẽ gây ra những khó khăn nhất định trong hoạt động xuất khẩu mặt hàng này tới châu Âu, buộc Việt Nam phải đặt ra bài toán về việc phát triển cà phê một cách bền vững. Bài viết này sẽ đi sâu vào phân tích những quy định và những tác động của Quy định đến việc xuất khẩu cà phê tới Châu Âu, từ đó đưa ra một số khuyến nghị cho các doanh nghiệp cà phê của Việt Nam.

Từ khóa: EUDR, xuất khẩu cà phê, phát triển bền vững, Liên minh châu Âu, Việt Nam

THE EU DEFORESTATION - FREE REGULATION AND SOME NOTES FOR COFFEE EXPORTING ACTIVITIES IN VIETNAM

Abstract

In Vietnam, agricultural products are currently considered one of the key export items, including coffee with a prominent contribution to the overall export turnover of the country. In recent years, Vietnam's coffee exports have taken place very successfully in developed markets around the world. However, in April 2023, the European Parliament (EP) passed a new regulation banning commodities and products associated with deforestation and forest

¹ Tác giả liên hệ, Email: k60.2113650017@ftu.edu.vn

degradation, including coffee. This will cause certain difficulties in exporting this product to Europe, forcing Vietnam to work on a sustainable strategy for developing coffee. This article will dive into the analysis of regulations and the impact of law on coffee exports to Europe, thereby making some recommendations for Vietnamese coffee businesses.

Key words: EUDR, coffee export, sustainable development, European Union, Vietnam.

1. Lời mở đầu

Rừng được coi là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá đối với nhân loại, là hệ sinh thái đa dạng và phong phú đóng vai trò to lớn trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu trên toàn cầu, mang lại những lợi ích kinh tế - xã hội quan trọng cho nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Tuy nhiên, hiện nay trên toàn thế giới, các diện tích rừng đã và đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi hoạt động phá rừng nhằm phục vụ cho mục đích lâm nghiệp và sản xuất nông nghiệp. Theo nghiên cứu của Tổ chức Giám sát Rừng toàn cầu, Viện Tài nguyên thế giới (World Resources Institute - WRI) và Đại học Maryland (Mỹ), vào năm 2022, 4,1 triệu ha rừng nhiệt đới nguyên sinh bị phá hủy; đồng nghĩa với việc cứ mỗi phút trôi qua, thế giới mất đi một khu rừng có diện tích bằng 11 sân bóng đá.

Thực tế này cho thấy tính cấp thiết và cần thiết phải có những giải pháp mang tính đột phá, mạnh mẽ để bảo vệ rừng, góp phần thực hiện các cam kết chấm dứt nạn phá rừng vào năm 2030. Việc thông qua Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (Regulation on deforestation-free products - *sau đây gọi chung là EUDR*) là một trong những giải pháp mới nhất, cụ thể và quyết liệt cho vấn đề này. Đây là chìa khoá cho Liên minh châu Âu (European Union - *sau đây gọi chung là EU*) trong quá trình kêu gọi hành động chung tay bảo vệ môi trường rừng, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ đa dạng sinh thái trên toàn cầu thông qua việc thúc đẩy xu hướng mới mang tính toàn cầu và tất yếu bao gồm sản xuất xanh và tiêu dùng xanh, thân thiện với môi trường để phát triển bền vững. Đồng thời, giải pháp này cũng là bước tiến quan trọng để các quốc gia trong “Eurozone” khai thông và mở rộng quan hệ với các quốc gia và khu vực có cùng cam kết và tham vọng trong vấn đề bảo vệ môi trường.

Đối với một thị trường đã vốn rất khắt khe và chặt chẽ trong các quy định về xuất nhập khẩu hàng nông lâm thủy sản như EU, quy định mới này cũng trở thành một trong những rào cản, những thách thức mới cho Việt Nam trong quá trình đưa các loại sản phẩm này vào một trong những thị trường lớn hàng đầu thế giới. Đặc biệt là ngành hàng nông sản, khi mức tăng trưởng xuất khẩu hiện vẫn chưa đạt kỳ vọng (Tiến Anh, 2023). Nhưng đồng thời, Quy định cũng có thể là cơ hội để Việt Nam thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh bền vững.

Hiện nay, cà phê được coi là mặt hàng chủ lực trong lĩnh vực này của Việt Nam, và EU chính là thị trường nhập khẩu cà phê lớn nhất của nước ta khi Việt Nam đang giữ vị trí thứ hai (chỉ sau Brazil) về xuất khẩu cà phê sang khu vực này (Thu Uyên, 2022). Chính vì vậy, nghiên cứu đề tài là cần thiết để nhìn nhận những tiềm năng cũng như các thách thức đặt ra cho nước ta trong việc xuất khẩu các mặt hàng cà phê trước bối cảnh Quy định EUDR mới được thông qua là bước chuẩn bị cần thiết và quan trọng trước khi Quy định chính thức có hiệu lực vào tháng 12/2024.

2. Giới thiệu Quy định về chống phá rừng của Liên minh châu Âu

2.1. Sự hình thành của Quy định về chống phá rừng của Liên minh châu Âu

Ngày 17/11/2021, Ủy ban châu Âu đã công bố đề xuất quy định về chống phá rừng, trong đó nêu rõ về việc cấm nhập khẩu các sản phẩm cà phê, thịt bò, đậu tương, cacao và dầu cọ cùng với các sản phẩm phái sinh là da bò, sô-cô-la và đồ gỗ nội thất nếu các sản phẩm này có nguồn gốc từ rừng bị phá huỷ. Dự thảo quy định cho rằng tất cả các sản phẩm với bằng chứng là phá huỷ hệ sinh thái dù hợp pháp hay bất hợp pháp thì đều không được thâm nhập vào thị trường châu Âu. Sự ra đời của đề xuất quy định trên được xem là có tác động trực tiếp và chủ yếu tới các quốc gia nhiệt đới có rừng và xuất khẩu nông sản vào thị trường EU. Phía châu Âu đã đưa ra những cơ sở liên quan cho đề xuất bao gồm mục tiêu giảm thiểu lượng phát thải khí nhà kính và vấn đề mất đa dạng sinh học trên toàn cầu, hướng đến hạn chế việc tiêu thụ các sản phẩm có nguồn gốc từ chuỗi cung ứng liên quan đến nạn phá rừng hoặc suy thoái rừng, tăng nhu cầu và thương mại của EU đối với các sản phẩm hợp pháp không đến từ hoạt động phá rừng.

Quy định này được đề cập lần đầu trong Thông điệp của EC 2019 về Tăng cường hành động của EU để bảo vệ, phục hồi rừng trên toàn thế giới. Trong đó, EC cam kết sẽ đánh giá chặt chẽ các biện pháp pháp lý và phi pháp lý bổ sung từ phía yêu cầu nhằm đảm bảo một sân chơi bình đẳng và nhận thức chung về một chuỗi cung ứng không bao gồm phá rừng, từ đó thúc đẩy độ tin cậy và minh bạch trong chuỗi cung ứng và hạn chế các rủi ro từ phá rừng và suy thoái rừng liên quan đến hàng hoá nhập khẩu vào EU. Cam kết sau đó đã được xác nhận trong Thỏa thuận Xanh châu Âu, Chiến lược đa dạng sinh học của EU vào năm 2030 và Chiến lược “Từ trang trại đến bàn ăn” để từ đó đưa đến đề xuất lập pháp vào năm 2021, bởi cam kết này đóng vai trò quan trọng với các mục tiêu tổng thể của Thỏa thuận Xanh châu Âu và các sách kiến được phát triển theo đó. Đồng thời, đề xuất cũng góp phần triển khai thêm một số giải pháp quan trọng khác như: Hợp tác với các nước sản xuất, giải quyết nguyên nhân cơ bản của nạn phá rừng và thúc đẩy quản lý rừng bền vững; đồng thời hợp tác với các quốc gia tiêu thụ mạnh, giảm thiểu khả năng rò rỉ các sản phẩm từ chuỗi cung ứng liên quan đến nạn phá rừng ra thị trường.

Bên cạnh đó, đề xuất này được đánh giá là phù hợp với thực tiễn, giúp giải quyết vấn đề của nạn phá rừng từ gốc rễ và giải quyết bài toán pháp lý là củng cố, mở rộng hoặc thay thế Quy định về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản của Liên minh châu Âu (FLEGT) có hiệu lực từ năm 2003 và Quy định về gỗ của Liên minh Châu Âu (EUTR) có hiệu lực từ năm 2013. Mặc dù các quy định của FLEGT đã giải quyết vấn đề về nạn khai thác và buôn bán gỗ bất hợp pháp, tuy nhiên nạn phá rừng không được đề cập cụ thể. Các hiệp định được ký kết liên quan chỉ cho thấy các quốc gia tự nguyện đồng ý tham gia chương trình cam kết đảm bảo chỉ có gỗ khai thác hợp pháp mới có thể được nhập khẩu vào EU. Với EUTR, tiêu chuẩn này nhằm mục đích cấm đưa gỗ và các sản phẩm gỗ bị khai thác bất hợp pháp vào thị trường EU; đặt ra nghĩa vụ cho các nhà khai thác gỗ đưa gỗ ra thị trường lần đầu tiên. Như vậy, dù cả hai quy định này mang đến những tác động tích cực trong việc quản trị rừng, nhưng không trực tiếp giải quyết nạn phá rừng bởi mục tiêu của các quy định – cụ thể là hạn chế khai thác và buôn bán gỗ trái phép và giảm tiêu thụ gỗ khai thác trái phép tại EU là chưa đáp ứng và giải quyết vấn đề. Việc tập trung vào tính hợp pháp của việc khai thác gỗ và sản phẩm gỗ là chưa đủ để đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Sau khi đề xuất quy định được đưa ra, tháng 12/2022, Hội đồng Liên minh châu Âu và Nghị viện châu Âu đã đạt được thỏa thuận về việc thông qua đề xuất này. Ngày 19/04/2023, với 552 phiếu thuận, 44 phiếu chống, Nghị viện châu Âu đã thông qua dự thảo quy định cấm nhập khẩu các mặt hàng nông sản có quy trình sản xuất làm giảm diện tích rừng. Sau 1 tháng,

ngày 16/05/2023, quy định chính thức được Hội đồng Liên minh châu Âu thông qua và bắt đầu có hiệu lực kể từ tháng 12/2024.

2.2. Các quy định liên quan xuất nhập khẩu hàng hóa liên quan đến phá rừng

2.2.1. Quy định về hàng hóa liên quan và các sản phẩm không liên quan được nhập khẩu vào thị trường Châu Âu

Điều 1.1 của EUDR quy định các loại hàng hoá liên quan đến hoạt động phá rừng và suy thoái rừng là các mặt hàng nông sản chính bao gồm chăn nuôi gia súc, cacao, cà phê, dầu cọ, đậu nành và gỗ. Bên cạnh đó, các sản phẩm liên quan là các sản phẩm có chứa, được cho ăn, được chế biến từ các mặt hàng trên (quy định tại phụ lục 1 của EUDR) bao gồm sô-cô-la, da, giấy in, đồ gỗ nội thất, than củi và một số loại dẫn xuất dầu cọ.

Các doanh nghiệp khi xuất khẩu sản phẩm sang EU sẽ phải chứng minh được các mặt hàng và sản phẩm này không phải là kết quả của việc chặt phá rừng tự nhiên và suy thoái rừng. Các cụm từ “phá rừng” và “suy thoái rừng” được quy định EUDR định nghĩa cụ thể tại Điều 2.3 và 2.7, theo đó, “phá rừng” được hiểu là “việc chuyển đổi rừng sang mục đích nông nghiệp, dù có do con người gây ra hay không.” và “suy thoái rừng” được hiểu là “những sự thay đổi cấu trúc của độ che phủ rừng dưới các hình thức chuyển đổi bao gồm: rừng nguyên sinh hoặc rừng tái sinh tự nhiên thành rừng trồng hoặc đất rừng khác và rừng nguyên sinh thành rừng trồng”.

Quy định mới của EU cũng quy định rằng hàng hoá và sản phẩm liên quan sẽ không được đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu từ EU trừ khi đáp ứng các điều kiện như: “không phá rừng; được sản xuất hợp pháp theo pháp luật liên quan của quốc gia sản xuất và sản phẩm phải đáp ứng quy trình thẩm định và được báo cáo theo quy định của EUDR.” Trong đó, với điều kiện tiên quyết là “không phá rừng”, Điều 2.13 của Quy định này giải thích như sau: “các sản phẩm liên quan có chứa, được nuôi dưỡng hoặc được chế biến bằng cách sử dụng các mặt hàng liên quan được sản xuất trên đất không bị phá rừng sau thời điểm 31/12/2020”; “trong trường hợp các sản phẩm liên quan có chứa hoặc được làm bằng gỗ thì gỗ đó đã được khai thác từ rừng mà không gây suy thoái rừng sau thời điểm 31/12/2020”. Điều này đồng nghĩa với việc, tất cả các sản phẩm, mặt hàng sẽ không được xuất khẩu vào thị trường EU nếu bị chứng minh là có liên quan đến phá rừng và suy thoái rừng kể từ sau năm 2020.

2.2.2. Hệ thống chứng nhận

2.2.2.1. Thẩm định bắt buộc

Quy trình thẩm định được xem là phần cốt lõi của EUDR. Các nhà nhập khẩu và thương nhân phải tiến hành thẩm định sản phẩm theo quy chuẩn bắt buộc của EU để có đánh giá cụ thể liệu sản phẩm có đạt chuẩn với quy định chống phá rừng của EU hay không. Quy trình này được tóm tắt tại Điều 8 của Quy định và được quy định cụ thể từ Điều 9 đến Điều 15. Theo Điều 8, trước khi đưa các sản phẩm liên quan ra thị trường hoặc xuất khẩu, các nhà kinh doanh phải thực hiện thẩm định đối với tất cả các sản phẩm liên quan do từng nhà cung cấp cụ thể cung cấp. Quy trình thẩm định bao gồm 3 bước cụ thể: Thu thập thông tin, thực hiện quy trình thẩm định và giảm thiểu rủi ro trong trường hợp cần thiết.

Thứ nhất, nhà nhập khẩu và thương nhân phân phối phải tiến hành thu thập thông tin, dữ liệu và tài liệu liên quan để đáp ứng các yêu cầu theo Điều 9 của Quy định. Cụ thể, họ cần cung cấp cho EU hồ sơ giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ cũng như thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm (LS. Hà Huy Phong, 2023). Sản phẩm được mô tả bằng các thông tin cơ bản

biểu thị được đặc điểm của chúng, liên quan đến chuỗi cung ứng của sản phẩm và thời gian sản xuất sản phẩm. Ngoài ra, các thông tin phải minh bạch, rõ ràng về nguồn gốc xuất xứ từ rừng của các sản phẩm trong đó bao gồm vị trí địa lý của tất cả các lô đất nơi sản xuất ra các mặt hàng và sản phẩm liên quan. Tất cả các hàng hoá và sản phẩm bị phát hiện có nguồn gốc từ các thửa đất có hành vi phá rừng hay gây suy thoái rừng sẽ tự động bị loại khỏi thị trường hay xuất khẩu tại EU. Ngoài ra sản phẩm cũng phải bao gồm các kiểm chứng, chứng nhận trong đó có kết luận cụ thể rằng các sản phẩm không liên quan đến phá rừng và phù hợp với pháp luật của nước liên quan để chứng minh tính khả thi cho việc nhập khẩu hoặc xuất khẩu tại EU.

Thứ hai, các nhà kinh doanh phải thực hiện quy trình thẩm định bằng việc đưa ra các biện pháp đánh giá rủi ro theo quy định tại Điều 10 của Quy định. Cụ thể, người vận hành sẽ phải đánh giá tất cả các rủi ro liên quan để xác định khả năng vi phạm các quy định của sản phẩm. Các tiêu chí để đánh giá hiệu quả các rủi ro đã được nêu rất rõ tại khoản 2 của điều này trong đó bao gồm cả các yếu tố liên quan đến sự hiện diện của người dân bản địa nơi sản xuất sản phẩm và một số yếu tố khác như tỷ lệ mất, suy thoái rừng tại quốc gia đó; các lo ngại về quốc gia sản xuất như: tỉ lệ tham nhũng, thực trạng làm giả tài liệu và dữ liệu, cơ chế thực thi pháp luật lỏng lẻo, vi phạm nhân quyền quốc tế, xung đột vũ trang hoặc sự hiện diện của các biện pháp trừng phạt do Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc hoặc Hội đồng Liên minh châu Âu áp đặt.

Thứ ba, bước cuối cùng của quy trình thẩm định là giảm thiểu rủi ro. Với bước này, nếu đánh giá rủi ro cho kết quả có rất ít hoặc không có rủi ro thì việc giảm thiểu rủi ro có thể không cần thiết. Tuy nhiên, nếu có nghi ngờ hợp lý, nhà quản lý sẽ phải sớm đưa ra các biện pháp giảm thiểu rủi ro cụ thể trước khi đưa sản phẩm liên quan hoặc xuất khẩu ra thị trường. Trong trường hợp này, các thủ tục bao gồm việc yêu cầu thêm thông tin, tài liệu; tiến hành các cuộc điều tra hoặc kiểm toán độc lập và các biện pháp khác liên quan đến yêu cầu thông tin như quy định tại Điều 9. Đồng thời, nhà quản lý phải có các biện pháp kiểm soát, hoàn thiện các thủ tục một cách đầy đủ và tương xứng để giảm thiểu, kiểm soát các rủi ro do các sản phẩm liên quan được đánh giá không tuân thủ (Điều 11 EUDR).

2.2.2.2. Hệ thống đối sánh

Quy định EUDR đã nêu rõ ràng và tương đối chi tiết về hệ thống đối sánh nhằm đưa ra căn cứ cụ thể hơn cho việc đánh giá khả năng tương thích với các quy định của mặt hàng và sản phẩm liên quan. Hệ thống này chủ yếu đề cập về việc đánh giá, phân loại và xếp hạng các quốc gia, khu vực nhìn chung dựa trên các cấp độ rủi ro khác nhau về mất rừng và suy thoái rừng; đồng nghĩa với việc đánh giá về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm.

Theo đó, việc phân loại trên không chỉ dựa trên đánh giá khách quan và minh bạch của Ủy ban châu Âu, các bằng chứng khoa học mới nhất và các nguồn quốc tế được công nhận mà còn dựa trên các tiêu chí đánh giá được xây dựng gồm: Tỷ lệ mất rừng và suy thoái rừng; tốc độ mở rộng đất nông nghiệp và xu hướng sản xuất các mặt hàng và sản phẩm liên quan; ngoài ra cũng có thể xét đến các tiêu chí khác được quy định trong Điều 29.4 của Quy định này.

Trên cơ sở tiêu chí đánh giá trên, Ủy ban châu Âu sẽ phân loại các quốc gia và vùng xuất khẩu sản phẩm thành 3 nhóm:

- Nhóm “rủi ro cao” (high risk) khi các quốc gia hoặc vùng quốc gia đó sau khi được các cơ quan và tổ chức có thẩm quyền liên quan thực hiện thẩm định và kiểm tra dẫn đến mức rủi

ro cao khi sản xuất tại quốc gia đó mà hàng hoá và sản phẩm liên quan không đáp ứng hoặc không tuân thủ điểm a,b tại Điều 3 của Quy định.

- Nhóm “rủi ro thấp” (low risk) là các quốc gia hoặc vùng của quốc gia đó sau khi quá trình kiểm tra được thực hiện và kết luận rằng có sự đảm bảo rằng việc sản xuất tại những nước hoặc những vùng đó mà hàng hoá và sản phẩm liên quan không đáp ứng hoặc không tuân thủ điểm a, Điều 3 của Quy định là trường hợp ngoại lệ.

- Nhóm “rủi ro tiêu chuẩn” (standard risk) bao gồm các quốc gia và vùng quốc gia đó sau khi quá trình kiểm tra được thực hiện và kết luận rằng không thuộc nhóm “rủi ro cao” và nhóm “rủi ro thấp”.

Về mức độ kiểm tra tối thiểu, Quy định chống phá rừng của EU cũng đưa ra các tiêu chuẩn tại Điều 16.8, 16.9, 16.10. Theo đó, các nhóm quốc gia sẽ tương ứng với các mức: 9% với nhóm “rủi ro cao”, 1% với nhóm “rủi ro thấp” và 3% với nhóm “rủi ro tiêu chuẩn”. Trong đó, sản phẩm và mặt hàng của các quốc gia và vùng quốc gia nằm trong nhóm “rủi ro thấp” sẽ được hưởng quy trình thẩm định đơn giản và ít khắt khe hơn so với các nhóm còn lại, tương đương với việc hưởng nhiều lợi thế hơn trong quá trình kiểm tra và thẩm định.

Có thể nói, các quy định được nêu trong EUDR đã có sự kế thừa tinh thần của nội dung liên quan đến phát triển bền vững tại Chương 13 của Hiệp định EVFTA. Cụ thể, Điều 13.8.1 của EVFTA quy định rằng: “Các Bên công nhận tầm quan trọng của việc đảm bảo việc bảo tồn và quản lý bền vững các nguồn tài nguyên rừng sẽ mang lại lợi ích cho các mục tiêu kinh tế, môi trường và xã hội.” Bên cạnh đó, Hiệp định EVFTA cũng đã đề cập tới một phần quy định của EUDR thông qua điểm b khoản 2 điều 13.6 về Biến đổi khí hậu với nội dung cơ bản như sau: Các Bên sẽ xây dựng những chính sách trong nước nhằm giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu thông qua các cơ chế như Chương trình mua bán khí thải và Giảm phát khí thải từ phá rừng và suy thoái rừng. Điều khoản này cũng được xây dựng trên cơ sở Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC) mà Việt Nam cũng như EU cùng gần 200 quốc gia thành viên khác đã tham gia phê chuẩn vào năm 1992. Như vậy, các quy định tại EUDR không đi ngược lại với Hiệp định đã ký kết mà có sự tương thích và bổ sung. Ngoài ra, khác với hai quy định cũng liên quan tới vấn đề bảo vệ rừng được đề cập phía trên (FLEGT và EUTR), EUDR đã đặt ra những tiêu chuẩn và yêu cầu cụ thể hơn. Đồng thời, quy định cũng đưa ra những ràng buộc nhất định đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan tới rừng, đòi hỏi họ phải có nghĩa vụ trong việc áp dụng chuỗi cung ứng thân thiện với môi trường, đặc biệt không làm phương hại tới diện tích rừng trồng. Do vậy, có thể thấy rõ ràng rằng quy định EUDR đã phản ánh mối quan tâm mới, xu hướng tiêu thụ xanh tất yếu trên thị trường toàn cầu.

3. Thực trạng hoạt động xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Liên minh châu Âu (2022-2023)

Hoạt động xuất khẩu cà phê của Việt Nam đã diễn ra sôi động trong những năm gần đây. Hiển nhiên, đi kèm với đó là những thuận lợi cũng như những khó khăn nhất định. Trong phần này, nhóm sẽ đi sâu vào phân tích các thuận lợi cũng như thách thức từ đó nghiên cứu các thành tựu cũng như phân tích nguyên nhân cụ thể.

3.1. Những thuận lợi và kết quả đạt được

3.1.1. Những thuận lợi

Đầu tiên, lợi thế lớn nhất trong hoạt động xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường EU phải kể đến đó là việc ký kết thành công Hiệp định EVFTA. Đây là Hiệp định cho phép tất cả sản phẩm cà phê của Việt Nam được công nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại 27 nước thành viên và nhận được các ưu đãi thuế quan từ EU (được áp dụng mức thuế suất 0% khi xuất khẩu sang các nước thành viên đối với mặt hàng cà phê theo Điều 4.1 Nghị định 116/2022/NĐ-CP). Đó chính là bước tiến vượt bậc tạo cơ hội cho Việt Nam gia tăng xuất khẩu vào một trong những thị trường tiêu thụ cà phê nhiều nhất thế giới. Dự báo xu hướng này sẽ tiếp tục tăng lên bởi nhiều doanh nghiệp trong nước như: Phúc Sinh, Intimex, Trung Nguyên... (Thanh Hà, 2023)

Thứ hai, dưới sự ảnh hưởng của thị trường tiền tệ tại Mỹ cũng như căng thẳng địa chính trị kéo dài giữa Nga và Ukraine hiện nay, tình trạng lạm phát tại EU xảy ra đã khiến người tiêu dùng chuyển hướng sang các sản phẩm cà phê với giá cả thấp hơn. Điều này đã thúc đẩy việc tăng cường nhập khẩu cà phê Robusta - vốn rẻ hơn Arabica. Đây được cho là cơ hội lớn để tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường này đối với Việt Nam, vốn được đánh giá là “nhà sản xuất Robusta” hàng đầu thế giới với gần 95% tổng sản lượng (Báo cáo thị trường cà phê quý II/2023).

Thứ ba, lợi thế về mặt tự nhiên cũng đóng vai trò then chốt trong việc quyết định sản lượng cũng như chất lượng của cà phê được xuất sang EU. Chính khí hậu thuận lợi với lượng mưa dồi dào và lợi thế địa lý với nhiều vùng cao nguyên như Đà Lạt, Pleiku, Đắk Lắk,... đã tạo môi trường lý tưởng cho việc trồng cà phê ở Việt Nam. Cùng với đó, sự chú trọng về cơ sở hạ tầng cho sản xuất cà phê và việc xuất hiện một số doanh nghiệp có sự thay đổi tư duy canh tác hướng đến sản xuất bền vững đã giúp nâng cao giá trị cà phê xuất khẩu.

3.1.2. Những kết quả đạt được

Trong năm 2022, EU là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam với thị phần chiếm gần 39% khối lượng xuất khẩu. Các thị trường xuất khẩu chính thời gian này của Việt Nam trong khu vực EU bao gồm: Tây Ban Nha (114.024 tấn, +71,7%); Bỉ (121.865 tấn, +101,5%); Italy (139.271 tấn, +8,5%); Đức (224.723 tấn, -0,9%).

Bảng 1. Thống kê xuất khẩu cà phê sang EU trong năm 2022

Lượng (tấn)	Trị giá (tỷ USD)	So với năm 2021 (%)	
		Lượng	Trị giá
689.049	1,5	+ 25,8%	+ 45,4%

Nguồn: Báo cáo thị trường cà phê 2022 (Vietnambiz)

Và trong 4 tháng đầu năm 2023, theo Cơ quan Thống kê châu Âu, EU đã tăng cường nhập khẩu cà phê từ Việt Nam (khoảng 601 triệu USD). Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu cà phê của EU từ thế giới chiếm 8,46% trong 4 tháng đầu năm 2023. Đây là một tín hiệu khá lạc quan trong bối cảnh thị trường này giảm nhập khẩu cà phê. Mặc dù xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong quý III/2023, theo dự kiến của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại, sẽ chững lại do sự suy giảm về nguồn cung, cà phê xuất khẩu Việt Nam vẫn sẽ hưởng lợi về giá nhờ sự thay đổi thị hiếu sang sử dụng cà phê Robusta của người tiêu dùng Châu Âu được đề cập phía trên. Có thể thấy, bức tranh toàn cảnh về xuất khẩu cà phê sang EU của các doanh nghiệp Việt Nam nhìn chung khá lạc quan.

3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những lợi thế và các thành tựu nổi bật, xuất khẩu cà phê sang EU thời gian gần đây cũng cho thấy một số mặt hạn chế cần khắc phục. Một số nguyên nhân nổi bật dẫn tới các hạn chế này sẽ được nhóm phân tích sau đây.

3.2.1. Hạn chế

Theo Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam, giá cà phê Robusta giao dịch trên Sở Giao dịch Liên lục địa Châu Âu đã đạt mức 2.564 USD/tấn (tính đến ngày 24/04/2023), cao nhất kể từ cuối tháng 05/2011 và còn có thể tăng. Trong bối cảnh giá cà phê xuất khẩu liên tục tăng cao trong năm 2023 như vậy, lượng cà phê dự trữ tại một số địa phương trọng điểm của nước như Tây Nguyên còn rất ít dẫn tới nguồn cung khan hiếm, chủ yếu lượng hàng dự trữ để xuất cho các hợp đồng đã được ký kết.

Điều này dẫn tới các doanh nghiệp không mua được hàng hoặc mua với số lượng ít. Thậm chí, nhiều hợp đồng có thời gian giao hàng trong tháng 8 và tháng 9 còn chưa thể thực hiện giao. “Lần đầu tiên trong lịch sử, đến tháng 5, tháng 6 Việt Nam lại hết hàng cà phê. Nhiều doanh nghiệp đã ký hợp đồng nhưng không có hàng để giao” - theo ông Đỗ Hà Nam (Phó Chủ tịch Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam).

Bên cạnh nguồn cung sụt giảm, tình trạng xuất khẩu thô với giá trị gia tăng thấp, chủng loại không phù hợp với thị hiếu của thị trường EU cũng là một thách thức lớn cần Việt Nam giải quyết để phát triển ngành cà phê lâu dài.

3.2.2. Nguyên nhân

Nguyên nhân cho sự sụt giảm về sản lượng cà phê phải kể đến đó là biến đổi khí hậu khiến năng suất cà phê giảm so với các năm trước. Một số địa phương đã ghi nhận bị ảnh hưởng bởi mưa lớn xảy ra đúng giai đoạn thu hoạch làm nguồn cung suy giảm.

Bên cạnh đó, việc Trung Quốc cho phép nhập khẩu chính ngạch các mặt hàng sầu riêng và chanh leo của Việt Nam cũng là lý do cho sự chững lại của nguồn cung cà phê xuất khẩu tại Việt Nam. Lượng đơn đặt hàng lớn cùng với giá tăng do lượng cung đủ điều kiện xuất khẩu thấp đã khiến cho nhiều nông dân chạy theo lợi nhuận, bỏ cà phê để chuyển đổi sang trồng sầu riêng, chanh leo.

Do đó, Việt Nam cần phải nhanh chóng có những phương hướng phát triển cà phê xuất khẩu cụ thể hơn để đảm bảo quyền lợi của các nhà sản xuất cà phê trong nước cũng như giữ vững vị thế là một trong số các thị trường chính xuất khẩu cà phê sang EU.

4. Tác động của EUDR lên cà phê và hoạt động xuất khẩu cà phê tới EU của các doanh nghiệp Việt Nam

Việc EUDR được thông qua và dự kiến có hiệu lực từ tháng 12/2024 rõ ràng sẽ có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động xuất khẩu cà phê của các doanh nghiệp Việt Nam. Các ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực sẽ được phân tích cụ thể trong phần này.

4.1. Tích cực

Thứ nhất, EUDR thúc đẩy việc chú trọng phát triển bền vững trong xuất khẩu cà phê của các doanh nghiệp Việt Nam.

Đó là do các doanh nghiệp phải tuân thủ những quy định nghiêm ngặt về kiểm định chất lượng và truy xuất nguồn gốc liên quan tới sử dụng rừng được nêu trong EUDR trước khi tiến hành hoạt động xuất khẩu sang thị trường tiềm năng này. Từ đó, ý thức về bảo vệ rừng được nâng cao, dẫn đến giảm thiểu nguy cơ biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới nguồn cung và gây khó khăn cho các doanh nghiệp. Đồng thời, điều này cũng thể hiện trách nhiệm đối với môi trường của ngành cà phê Việt Nam và từ đó nâng cao uy tín và tăng thị phần cà phê Việt Nam sang EU.

Thứ hai, EUDR sẽ tạo động lực cho các doanh nghiệp phát triển chất lượng thay vì chỉ tập trung vào số lượng, từ đó tạo lợi thế cho bản thân trong xuất khẩu cà phê so với các quốc gia chưa kịp thích ứng với quy định này.

Việc có những quy chuẩn xanh mới cùng các biện pháp trừng phạt được đề ra rõ ràng trong EUDR giúp các doanh nghiệp Việt Nam nhận thức rõ về nghĩa vụ của mình trong sản xuất mặt hàng này trong thời gian tới. Từ đó, để tránh việc bị xếp vào quốc gia rủi ro cao và phải chịu sự kiểm tra nghiêm ngặt hơn so với các nước với mức độ rủi ro thấp thì chủ doanh nghiệp sẽ có sự cẩn trọng hơn trong khâu sản xuất và thẩm định chất lượng của mặt hàng này. Bên cạnh đó, với một bộ quy chuẩn thống nhất, chất lượng cà phê xuất khẩu cũng sẽ được đảm bảo ổn định giữa các doanh nghiệp xuất khẩu khác nhau tại Việt Nam, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Cùng lợi thế sẵn có về hương vị đặc biệt và lợi thế về mặt điều kiện tự nhiên, các doanh nghiệp hoàn toàn có thể giúp sản phẩm này vươn xa hơn nữa ra thế giới bằng việc quản lý chất lượng kỹ càng trong từng khâu của vòng đời cà phê (sản xuất, vận chuyển, rang và tiêu thụ).

Tổng quan lại, có thể thấy: Dưới góc nhìn tích cực, EUDR là động lực quan trọng thúc đẩy ngành cà phê Việt Nam tiến hành cải tiến nhanh chóng nhằm bắt kịp xu thế phát triển bền vững chung của các thị trường nhập khẩu lớn trên thế giới. Nếu chuẩn bị tốt trong giai đoạn trước khi Quy định chính thức có hiệu lực, ngành xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ có thể duy trì vị thế đứng đầu về cả sản lượng xuất khẩu lẫn chất lượng và quy mô của ngành.

4.2. Tiêu cực

Trước hiệu lực của EUDR vào tháng 12 năm 2024, những doanh nghiệp Việt Nam sẽ gặp không ít những khó khăn, thách thức. Cụ thể:

Thứ nhất, nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất cà phê vẫn chưa cập nhật, nắm bắt những quy định của EUDR. Nếu các doanh nghiệp không chủ động nghiên cứu, áp dụng quy định về chống phá rừng, hoạt động xuất khẩu cà phê sang thị trường này sẽ gặp nhiều khó khăn và họ có thể đối diện với tình trạng mất một thị trường tiêu thụ lớn. Liên minh châu Âu trong những năm gần đây đều là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam, cụ thể vào năm 2022, nơi đây chiếm thị phần 39% khối lượng xuất khẩu (Nguyễn My, 2023). Việc không xuất khẩu được cà phê sang châu Âu sẽ không những mang lại hậu quả kinh tế nghiêm trọng cho các doanh nghiệp cà phê mà còn ảnh hưởng nặng nề đến kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

Thứ hai, việc truy xuất và thẩm định nguồn gốc của sản phẩm cà phê vẫn chưa được một số doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ, nghiêm ngặt. Các doanh nghiệp vẫn đang gặp nhiều rào cản trong việc liên kết, thu thập dữ liệu từ người nông dân, các cơ sở sản xuất. Có những nông hộ ở vùng sâu, vùng xa, làm cho việc truy xuất mất rất nhiều công sức, thời gian và tiền bạc. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân vẫn chưa có được nhận thức rõ nét về việc bảo vệ sản phẩm và uy tín của mình. Tình trạng ghi chép, lưu trữ hồ sơ theo cách chống đối còn tồn tại

hiều. Ngoài ra, có rất nhiều trường hợp vi phạm giả mạo hồ sơ giấy tờ sản phẩm, mã số vùng trồng, chứng nhận tiêu chuẩn, cùng với đó là tiêu chí quy định về truy xuất nguồn gốc của nước ta vẫn còn lạc hậu so với các nước trên thế giới, thiếu chủ động cập nhật đổi mới làm ra tăng rào cản kỹ thuật của nước nhập khẩu. Vấn đề này có thể trở thành rào cản lớn cho những doanh nghiệp cà phê tại Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ ba, những doanh nghiệp sẽ gặp những gánh nặng tài chính trong công tác chuẩn bị khi EUDR có hiệu lực sắp tới. Việc tuân thủ những quy định của EUDR của các doanh nghiệp sẽ cần gắn liền với việc tích hợp các công nghệ kỹ thuật số. Tất cả giai đoạn trong chuỗi cung ứng đều cần được các nhà sản xuất và xuất khẩu cà phê chú trọng thu thập, lưu trữ dữ liệu liên quan. Ngoài việc báo cáo tọa độ địa lý của khu vực sản xuất, các doanh nghiệp cũng cần báo cáo cả các thông tin khác như số lượng nhà sản xuất trên từng lô đất, số lượng và chất lượng của hạt cà phê, cũng như dự báo năng suất. Để đảm bảo thực hiện ứng dụng công nghệ kỹ thuật số, các doanh nghiệp sẽ cần đầu tư một khoản không ít để có thể sản xuất và xuất khẩu đúng theo quy định. Đối với các doanh nghiệp lớn với nguồn lực tài chính dồi dào, việc này là khả thi. Tuy nhiên, những doanh nghiệp nhỏ và vừa, những nông hộ, hợp tác xã sẽ phải đối mặt với áp lực tài chính rất lớn để có thể thực hiện quá trình số hóa này.

5. Một số khuyến nghị nhằm thích ứng với Quy định về chống phá rừng của Liên minh châu Âu cho các doanh nghiệp cà phê của Việt Nam

Để luôn trong vị trí sẵn sàng trong bối cảnh EUDR có hiệu lực, các doanh nghiệp cà phê tại Việt Nam cần tận dụng những cơ hội để phát huy những thế mạnh của mình. Đồng thời, họ cần tìm ra những giải pháp để khắc phục những tồn tại đang hiện hữu cũng như tháo gỡ những khó khăn, thử thách sắp tới.

Thứ nhất, các doanh nghiệp cần thúc đẩy công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình về vấn đề bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là nắm rõ về quy định EUDR trong quá trình sản xuất cà phê. Bên cạnh đó, trong chiến lược phát triển của mình, các doanh nghiệp cần tuân thủ quy định của EUDR kết hợp với phương hướng sản xuất bền vững, bảo vệ môi trường. Hơn hết, mọi cá nhân, tổ chức cần ý thức được tầm quan trọng của diện tích của rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh EUDR có hiệu lực tại Việt Nam.

Thứ hai, các doanh nghiệp cần chú trọng phát triển hệ thống truy xuất để đáp ứng những quy định của EUDR về nguồn gốc, xuất xứ. Cụ thể tại Điều 9, EUDR đã đưa ra những yêu cầu về thông tin, tài liệu và dữ liệu của sản phẩm mà các doanh nghiệp cần cung cấp. Hiện tại, EU đã có hệ thống bản đồ vệ tinh thu thập tọa độ định vị của các cơ sở sản xuất cà phê trên toàn thế giới. Khi đó, các doanh nghiệp cần quản lý chặt chẽ thông tin, dữ liệu về sản phẩm cà phê trong mọi quá trình của chuỗi cung ứng. Đồng thời, việc tích hợp công nghệ kỹ thuật số và ứng dụng các công cụ giám sát vệ tinh như GPS cũng đóng vai trò quan trọng trong công cuộc đáp ứng quy định EUDR (Khánh An, 2023). Việc truy xuất nguồn gốc chính là một trong những giải pháp đảm bảo tính minh bạch của toàn bộ chuỗi cung ứng cà phê.

Thứ ba, doanh nghiệp cà phê cần phát triển quy trình thẩm định nghiêm ngặt trước khi xuất khẩu cà phê sang thị trường EU. Các doanh nghiệp sẽ cần đảm bảo nguồn gốc xuất xứ của cà phê xuất khẩu không phải từ những vùng đất bị phá rừng và suy thoái bằng các báo cáo giải

trình, chứng nhận, quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm (Tùng Đình, 2023). Khi đã chuẩn bị xuất khẩu sản phẩm, việc kiểm tra thẩm định lần cuối đóng vai trò thiết yếu nhằm đảm bảo các tiêu chí mà thị trường EU đặt ra đã được tuân thủ, chẳng hạn, là những tiêu chí về chất lượng; tiêu chí về nguồn gốc, xuất xứ không liên quan đến vùng đất trồng rừng.

Thứ tư, việc đánh giá, hoạch định những rủi ro tiềm ẩn cũng cần được doanh nghiệp tiến hành trong quá trình sản xuất, xuất khẩu cà phê sang EU. Việc đánh giá rủi ro này cần được thực hiện theo Điều 10 của EUDR. Các doanh nghiệp sẽ tiến hành phân tích, đánh giá những rủi ro có thể gặp như: vùng đất này trong quá khứ có làm ảnh hưởng tới tỷ lệ thoái hóa rừng hay vấn đề liên quan đến các thủ tục xuất khẩu. Khi đã có dữ liệu về những rủi ro này, doanh nghiệp có thể đưa ra phương hướng sản xuất phù hợp để thuận lợi tiến hành xuất khẩu cà phê.

Thứ năm, các doanh nghiệp cà phê cần xây dựng liên kết với các đơn vị khác để cùng nhau tuân thủ quy định của EUDR và phát triển mạng lưới xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Sự liên kết này giúp cho những doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vừa và nhỏ đều có thể tiếp cận với quy định của EUDR. Đồng thời giúp các doanh nghiệp đó huy động được nguồn vốn để ứng dụng các giải pháp công nghệ kỹ thuật số trong việc truy xuất nguồn gốc, kiểm soát sản phẩm nhằm đáp ứng quy định về chống phá rừng của EU.

6. Kết luận

Bài nghiên cứu được nhóm tác giả thực hiện với mục đích nghiên cứu Quy định về chống phá rừng của Liên minh Châu Âu và từ đó phân tích và đánh giá những lưu ý đối với hoạt động xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Là một quốc gia có tiềm năng phát triển ngành cà phê hàng đầu thế giới, Việt Nam cần lưu ý những quy định mới của EUDR để có thể tiếp tục duy trì vị thế của mình trong hoạt động xuất khẩu cà phê. Kết quả nghiên cứu đã đưa ra thực trạng những tồn tại mà doanh nghiệp cà phê còn đang vướng mắc cùng với đó là những cơ hội và thách thức doanh nghiệp sẽ gặp trong thời gian quy định EUDR có hiệu lực. Qua bài nghiên cứu, nhóm tác giả hy vọng những đánh giá, phân tích tình hình thực tế cùng với những khuyến nghị sẽ hỗ trợ những doanh nghiệp cà phê Việt Nam có sự chuẩn bị tốt nhất trước bối cảnh EUDR có hiệu lực. Từ đó, hoạt động xuất khẩu cà phê sẽ ngày càng phát triển và củng cố vị thế cà phê của Việt Nam trên thị trường thế giới.

Tài liệu tham khảo

Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA).

Nghị định 116/2022/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu giai đoạn 2022 -2027.

Quyết định 3417/QĐ-BNN-TT về phê duyệt đề án phát triển ngành cà phê bền vững đến năm 2020.

Hoàng, A. T. (2019), “Ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất cà phê”, Available at: <https://nhandan.vn/ung-dung-khoa-hoc-ky-thuat-va-san-xuat-ca-phe-post346726.html> (Accessed 17 October 2023).

Nguyễn, T. M. H & Nguyễn T. M. T. (2020), “Thực trạng và giải pháp phát triển cho ngành Cà phê Việt Nam”, *Tạp chí Công Thương*, 2020, Available at: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-va-giai-phap-phat-trien-cho-nganh-ca-phe-viet-nam-72337.htm> (Accessed 15 October 2023).

Trần, Đ. Q. & Văn T. M. H. (2023), “Báo cáo thị trường cà phê 2022”, *Vietnambiz*, Available at: <https://mediacdn.vietnambiz.vn/files/bao-cao-thi-truong-ca-phe-nam-2022.pdf> (Accessed 17 October 2023).

Trần, Đ. Q. & Văn T. M. H. (2023), “Báo cáo thị trường cà phê quý II/2023”, *Vietnambiz*, Available at: <https://mediacdn.vietnambiz.vn/thi-truong-ca-phe-q-ii-2023.pdf> (Accessed 17 October 2023).

Tiền, A. (2023), “Đưa nông sản Việt Nam sang châu Âu”, Available at: <https://nhandan.vn/dua-nong-san-viet-nam-sang-chau-au-post763911.html> (Accessed 17 October 2023).

Thu, U. (2022), “Xuất khẩu cà phê sang EU tăng kỷ lục: Cơ hội cho Việt Nam sáng cửa”, Available at: <https://kinhtechungkhoan.vn/xuat-khau-ca-phe-sang-eu-tang-ky-luc-co-hoi-cho-viet-nam-sang-cua> (Accessed 17 October 2023).

Hà, H. P. (2023), “EUDR và nguy cơ ảnh hưởng tới các doanh nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế Môi trường*, Available at: <https://kinhtemoitruong.vn/dao-luat-chong-pha-rung-chau-au-eudr-va-nguy-co-anh-huong-toi-cac-doanh-nghiep-viet-nam-80039.html> (Accessed 18 October 2023).

Việt, H., “Hoa Kỳ và EU tăng nhập khẩu cà phê Việt Nam”, *Tạp chí Công Thương điện tử*, 08/2023, Available at: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/hoa-ky-va-eu-tang-nhap-khau-ca-phe-viet-nam> (Accessed 17 October 2023).

Thanh, H. (2023), “Cú hích từ EVFTA: Cà phê Việt Nam “tăng trưởng kép” tại thị trường nhập khẩu lớn nhất thế giới”, *Tạp chí Công Thương điện tử*, Available at: <https://tapchicongthuong.vn/magazine/cu-hich-tu-evfta-ca-phe-viet-nam-tang-truong-kep-tai-thi-truong-nhap-khau-lon-nhat-the-gioi> (Accessed 17 October 2023).

Hà, D. (2023), “Hiệp định EVFTA: “Đòn bẩy” cho xuất khẩu cà phê vào EU”, *Tạp chí Công Thương điện tử*, Available at: <https://congthuong.vn/hiep-dinh-evfta-don-bay-cho-xuat-khau-ca-phe-va-eu> (Accessed 17 October 2023).

Tùng, Đ. (2023), “Sẵn sàng cơ hội đến từ quy định chống phá rừng châu Âu”, Available at: <http://thuvien.mard.gov.vn/tin-tuc/tin-hoat-dong/san-sang-truoc-co-hoi-den-tu-quy-dinh-chong-pha-rung-chau-au-14932/> (Accessed 15 October 2023).

Khánh, A. (2023), “Ngành cà phê thích ứng với quy định chống phá rừng của EU”, *Quân đội nhân dân*, Available at: <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/nganh-ca-phe-thich-ung-voi-quy-dinh-chong-pha-rung-cua-eu-738844> (Accessed 17 October 2023).

Quỳnh, C., Tùng, Đ. (2023), “EUDR & cơ hội với ngành cà phê: Hành động nhanh, quyết liệt để làm chủ cuộc chơi”, *Nông nghiệp Việt Nam*, Available at: https://nongnghiep.vn/lam-tot-quy-quy-dinh-eudr-la-the-hien-trach-nhiem-cua-nganh-ca-phe-viet-nam-d355892.html?fbclid=IwAR3gOQCMgFzx3BSk2H4e9xgMpc992wa9t26TDf7oy9eM_q9_JA6CI7ZziMw (Accessed 21 October 2023).

Tường, V. (2023), “Giá cà phê hôm nay 16/9: Lên cao nhất 30 năm, dự báo giá còn neo cao những tháng cuối năm”, *Tạp chí Công Thương điện tử*, Available at: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/gia-ca-phe-hom-nay-169-len-cao-nhat-30-nam-du-bao-gia-con-neo-cao-nhung-thang-cuoi-nam-110880.htm> (Accessed 21 October 2023).

Nguyễn, M. (2023), “Số hóa để cà phê tiếp bước vào thị trường EU”, *Tạp chí Công thương*, Available at: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/so-hoa-de-ca-phe-tiep-buoc-vao-thi-truong-eu-103999.htm> (Accessed 17 November 2023).

Báo Điện tử Chính phủ (2023), “Ngành cà phê cần sẵn sàng trước quy định mới của EU”, Available at: <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/24208-nganh-ca-phe-can-san-sang-truoc-quy-dinh-moi-cua-eu> (Accessed 07 November 2023).

Regulation (EU) 2023/1115 of the European Parliament and of the Council of 31 May 2023 on the making available on the Union market and the export from the Union of certain commodities and products associated with deforestation and forest degradation and repealing Regulation (EU) No 995/2010, Available at: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/> (Accessed 17 October 2023).

Proposal for a regulation of the European parliament and of the council on the making available on the Union market as well as export from the Union of certain commodities and products associated with deforestation and forest degradation and repealing Regulation (EU) No 995/2010, COM(2021)706, Available at: https://environment.ec.europa.eu/system/files/2021-11/COM_2021_706_1_EN_ACT_part1_v6.pdf (Accessed 17 October 2023).

Communication from the Commission to the European Parliament, the Council, the European, Economic and Social Committee and the Committee of the Regions, “Stepping up EU Action to Protect and Restore the World’s Forests”, *COM/2019/352 final*, Available at: https://eur-lex.europa.eu/resource.html/DOC_1&formatPDF (Accessed 17 October 2023).

Communication from the Commission to the European Parliament, the Council, the European, Economic and Social Committee and the Committee of the Regions, “The European Green Deal”, *COM/2019/640 final*, Available at: <https://eur-lex.europa.eu/resource.html?PDF> (Accessed 18 October 2023).

Communication from the Commission to the European Parliament, the Council, the European, Economic and Social Committee and the Committee of the Regions, “EU Biodiversity Strategy for 2030 Bringing nature back into our lives”, *COM/2020/380 final*, Available at: https://eur-lex.europa.eu/resource.html?uri=cellar:a3c806a6-9ab3-11ea-9d2d-01aa75ed71a1.0001.02/DOC_1&format=PDF (Accessed 18 October 2023).

“A Farm to Fork Strategy for a fair, healthy and environmentally-friendly food system”, *Communication from the Commission to the European Parliament, the Council, the European, Economic and Social Committee and the Committee of the Regions*, *COM/2020/381 final*, Available at: https://eur-lex.europa.eu/resource.html?uri=cellar:ea0f9f73-9ab2-11ea-9d2d-01aa75ed71a1.0001.02/DOC_1&format=PDF (Accessed 18 October 2023).

BBC News (2021), “COP26: World leaders promise to end deforestation by 2030”, Available at: <https://www.bbc.com/news/science-environment-59088498> (Accessed 17 October 2023).

Carmen, N., Mark, M. (2020), “Life cycle assessment synthesis of the carbon footprint of Arabica coffee: Case study of Brazil and Vietnam conventional and sustainable coffee production and export to the United Kingdom”, *Royal Geographical Society (with IBG)*, Available at: <https://rgs-ibg.onlinelibrary.wiley.com/doi/epdf/10.1002/geo2.96> (Accessed 17 October 2023).

World Resources Institute, “Forest Pulse: The Latest on the World’s Forests”, Available at: <https://research.wri.org/gfr/latest-analysis-deforestation-trends> (Accessed 18 October 2023).